

Số: /2024/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**  
**về việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn**  
**tỉnh Hải Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**  
**KHÓA....., KỲ HỌP THỨ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi một  
số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của  
Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2015,

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về  
việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải  
Dương; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và  
ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định việc hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo sau khi  
được công nhận thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương để ổn định cuộc sống.

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

Việc thực hiện hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên  
địa bàn tỉnh Hải Dương đảm bảo công khai, minh bạch. Chế độ hỗ trợ thu  
nhập hàng tháng và hỗ trợ mức đóng BHYT cho đối tượng được thực hiện  
theo tháng.

**Điều 3. Đối tượng áp dụng**

1. Người là thành viên thuộc hộ nghèo, thuộc các trường hợp sau:

a) Là người khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

b) Mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại danh mục Phụ lục IV Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

c) Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo kết luận giám định y khoa của Hội đồng giám y khoa cấp tỉnh trở lên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Bộ Y tế và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

d) Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

đ) Là người dưới 16 tuổi, thuộc một trong các trường hợp: Bị nhiễm HIV/AIDS theo quy định của pháp luật; Bị bỏ rơi; Tạm thời cách ly khỏi cha, mẹ theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ chết, mất tích, ly hôn theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn (Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; Bị khuyết tật mức độ nặng trở lên; Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định);

e) Là người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên, thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không có vợ, chồng, con hoặc có vợ, chồng nhưng đã ly hôn hoặc có vợ, chồng, con nhưng đã chết, mất tích theo quy định của pháp luật.

- Có vợ, chồng, con nhưng những người này thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn sau: Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục

quy định; Bị khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật; Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định.

- Các thành viên khác trong hộ gia đình đều thuộc một trong các trường hợp sau: người cao tuổi; trẻ em; người đang đi học dưới 22 tuổi; người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng trở lên.

2. Là đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này sau khi hộ được công nhận thoát nghèo.

#### **Điều 4. Chính sách hỗ trợ**

##### **1. Chính sách hỗ trợ thu nhập hàng tháng:**

Hỗ trợ hàng tháng cho đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này bằng với mức thu nhập chuẩn nghèo theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ, trong đó:

a) Đối tượng được hưởng 100% mức hỗ trợ hàng tháng: Trường hợp không thuộc các đối tượng: đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và các văn bản hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội; đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công thì được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng bằng với mức thu nhập chuẩn nghèo theo quy định của Chính phủ.

b) Đối tượng được hỗ trợ thêm hàng tháng: Trường hợp thuộc đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội hoặc đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và các văn bản hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội hoặc đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công thì được hỗ trợ thêm hàng tháng phần chênh lệch giữa mức thu nhập chuẩn nghèo theo quy định của Chính phủ với mức trợ cấp hàng tháng đang hưởng.

##### **2. Chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế**

Hỗ trợ 100% mức đóng BHYT hàng tháng theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này.

Trường hợp đối tượng tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này thuộc diện được cấp nhiều loại thẻ bảo hiểm y tế thì chỉ được cấp một thẻ bảo hiểm y tế có quyền lợi cao nhất.

## **Điều 5. Hồ sơ, trình tự thực hiện**

### **1. Hồ sơ, trình tự thực hiện chính sách hỗ trợ thu nhập hàng tháng**

#### a) Hồ sơ đề nghị

- Đơn đề nghị của đối tượng hoặc người giám hộ (Mẫu số 01);
- Bản sao hợp lệ các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này;
- Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này.

#### b) Trình tự thực hiện

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, công chức phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm rà soát hồ sơ, lập danh sách trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc xem xét, quyết định việc xét duyệt, thực hiện việc niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 02 ngày làm việc, trừ những thông tin liên quan đến HIV/AIDS của đối tượng.

Trường hợp có khiếu nại, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xem xét, kết luận, công khai nội dung khiếu nại.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được xét duyệt và không có khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ của đối tượng gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho đối tượng. Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xem xét, quyết định hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho đối tượng.

c) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến.

d) Thời gian chi trả: Từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng.

### **2. Hồ sơ, trình tự thực hiện chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế**

a) Hồ sơ đề nghị

- Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này do Ủy ban nhân dân cấp xã lập;

- Văn bản của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện kèm theo danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

b) Trình tự thực hiện

- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, lập danh sách người đủ điều kiện hưởng chính sách quy định tại Nghị quyết này và có văn bản đề nghị Phòng Lao động Thương binh và xã hội cấp huyện.

- Phòng Lao động - Thương binh và xã hội cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định danh sách đối tượng được hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện;

- Cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện chuyên thẻ bảo hiểm y tế cho Ủy ban nhân dân cấp xã để cấp cho đối tượng.

- Định kỳ hàng năm, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và xã hội cấp huyện tổ chức thanh toán kinh phí hỗ trợ mua bảo hiểm y tế.

**Điều 6. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp đảm bảo xã hội được bố trí trong ngân sách hàng năm của tỉnh.

**Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì được áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành.

2. Thời gian thực hiện: Chính sách tại Nghị quyết này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

**Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Khóa , Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm....., có hiệu lực thi hành kể từ

ngày....tháng....năm...../.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban TV Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: LĐTB&XH, Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ LĐTB&XH;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Lãnh đạo và CV Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

} (để báo cáo)

**CHỦ TỊCH**